

Số: 23/BC-UBND

Sơn Hà, ngày 28 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương
6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025**
(Phục vụ Kỳ họp thứ 2 nhiệm kỳ 2021-2026)

**PHẦN I
TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà khóa XII kỳ họp thứ 25 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

UBND xã Sơn Hà đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2025 trên cơ sở sáp nhập 02 xã Sơn Thượng, Sơn Bao và Thị trấn Di Lăng và đề ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu, chi 6 tháng cuối năm 2025, với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025: 8.044 triệu đồng, đạt 547,23 % dự toán giao, khoản thu này vượt kế hoạch năm 2025 đề ra.

2. Thu ngân sách địa phương

Thu ngân sách nhà nước được hưởng theo phân cấp 95.430 triệu đồng, đạt 84,72 % dự toán năm. Trong đó:

- Các khoản thu cân đối NSDP được hưởng theo phân cấp 1.778 triệu đồng, đạt 84,72 % dự toán năm.

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 93.651 triệu đồng, đạt 70,04 % dự toán năm.

Thu chuyển nguồn ngân sách: 9.749 triệu đồng.

3. Nhận xét, đánh giá:

- Về công tác chỉ đạo thu: Đề lãnh đạo, chỉ đạo các các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện dự toán theo Nghị quyết HĐND giao, ngay từ đầu năm UBND xã đã tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch, quán triệt, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Sơn Hà về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025; Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà khóa XII kỳ họp thứ 25 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Hà khóa XII kỳ họp thứ 25 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 14/02/2025 của UBND huyện Sơn Hà về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước năm 2024 và chi ngân sách địa phương; chủ động quán triệt, tổ chức triển khai nhiệm vụ được HĐND huyện giao trong điều hành thu ngân sách những tháng đầu năm 2025 để kịp thời ban hành các giải pháp, chỉ đạo các đơn vị, địa phương tích cực thực hiện dự toán thu ngân sách đã được giao; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác tuyên truyền tới các đối tượng nộp thuế và chỉ đạo các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc thu nộp các khoản thu theo kết luận của Thanh tra, Kiểm toán.

- Thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025 đạt được kết quả trên là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kịp thời các biện pháp tăng thu ngân sách, chống nợ đọng thuế của Đảng uỷ, HĐND, UBND và sự kết hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, đoàn thể, đặc biệt là sự quyết tâm nỗ lực phấn đấu của thuế Cơ sở 4 tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai các biện pháp thu ngay từ những tháng đầu năm, thực hiện tốt các thủ tục hành chính thuế, tăng cường các giải pháp thu nợ và xử lý nợ đọng thuế, đôn đốc thu nộp kịp thời vào ngân sách. Công chức Tài chính - Kế toán xã và thuế Cơ sở 4 tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động đề xuất phối hợp với các cấp, các ngành triển khai tích cực các biện pháp quản lý thu chặt chẽ, chống thất thu ngân sách trên địa bàn. Tuy nhiên vẫn còn nguồn thu chưa đảm bảo dự toán HĐND giao Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa.

(Chi tiết số liệu theo phụ lục số 01,02 đính kèm).

II. Chi ngân sách nhà nước

1. Chi cân đối ngân sách địa phương

Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2025 là: 66.159 triệu đồng, đạt 48,71% dự toán đầu năm 2025; Trong đó:

Chi thường xuyên là 66.159 triệu đồng, đạt 48,71 % dự toán đầu năm 2025, đạt 48,71% dự toán HĐND giao.

2. Chi chương trình mục tiêu:

Tổng dự toán chương trình mục tiêu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 8.687 triệu đồng, đã thanh toán: 4.526 triệu đồng, đạt tỷ lệ 52,11%.

Tổng dự toán chương trình mục tiêu bổ sung trong năm 2025: 23.901 triệu đồng, đã thanh toán: 7.307 triệu đồng, đạt tỷ lệ 30,57%.

Tổng dự toán chương trình mục tiêu sử dụng trong năm 2025: 32.589 triệu đồng, đã thanh toán: 11.834 triệu đồng, đạt tỷ lệ: 36,31%.

(Chi tiết số liệu theo phụ lục số 03,04 đính kèm).

*** Đánh giá chung:**

Việc triển khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn xã mặc dù còn gặp nhiều khó khăn như: một số chính sách thuế thay đổi, nguồn thu trên địa bàn xã không đảm bảo cân đối, ngân sách cấp trên phải trợ cấp bổ sung, nhưng trong lĩnh vực tài chính ngân sách đã đạt được những kết quả khả quan trong việc quản lý, điều hành ngân sách. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả dự toán được HĐND giao. Các khoản chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 cơ bản đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn; chủ động sử dụng dự phòng để thực hiện công tác phòng tránh dịch, khắc phục thiên tai. Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư và các chương trình mục tiêu của Trung ương trên địa bàn.

Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2025 vẫn còn những mặt tồn tại, đó là: Nguồn kinh phí chuyển nguồn mục tiêu chưa kịp triển khai thực hiện do ảnh hưởng lớn từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp; Một số nguồn vốn sự nghiệp mới bổ sung có mục tiêu cho xã trong năm nên chưa kịp thời triển khai thực hiện.

III. Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025

1. Về thu ngân sách

- Công tác đơn đốc, quản lý nợ đọng thuế tuy được thường xuyên tăng cường nhưng chưa đảm bảo yêu cầu đề ra, một số doanh nghiệp thực sự khó khăn về tài chính nên còn để nợ thuế, một số doanh nghiệp cố tình dây dưa, chây ỳ nợ thuế kéo dài làm ảnh hưởng đến tỷ lệ điều tiết các khoản thu ngân sách được hưởng giữa các cấp đối với Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa, đã làm ảnh hưởng đến công tác thu thuế trên địa bàn và thu cân đối ngân sách của địa phương.

2. Về chi ngân sách

- Quản lý chi thường xuyên ở một số đơn vị chưa thực sự tiết kiệm, vẫn còn nhiều trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên đối với một số đơn vị dự toán.

- Một số nhiệm vụ chi đã được xã cũ chi hết dự toán của năm nên việc điều hành ngân sách xã có phần khó khăn. Ví dụ: xã Sơn Bao (cũ) đã sử dụng số tiền chi hoạt động công an xã: 34.798.300 đồng/41.821.524 đồng, tỷ lệ sử dụng lên đến 83,21%; chi khác ngân sách: 41.147.000 đồng/41.147.000 đồng, sử dụng lên tới 100% dự toán của cả năm.

PHẦN II

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu Nghị quyết HĐND xã đề ra, trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2025, chúng ta cần cố gắng nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa, tranh thủ mọi thời cơ, ra sức khắc phục những tồn tại, phát huy sức mạnh nội lực để thực hiện hoàn thành dự toán thu, chi ngân sách còn lại 6 tháng cuối năm 2025. Có kế hoạch giải ngân cụ thể cho các chương trình mục tiêu được chuyển nguồn ngân sách và phân bổ trong năm 2025 mà chưa giải ngân, tránh tình trạng chuyển nguồn sang năm sau hoặc nộp trả ngân sách cấp trên. Qua đó, UBND xã đề ra một số giải pháp thực hiện dự toán thu, chi ngân sách còn lại 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

Thứ nhất: Quán triệt và tổ chức thực hiện đầy đủ các giải pháp thu ngân sách, các biện pháp xử lý nợ đọng thuế và chống thất thu ngân sách nhà nước. Thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm minh các đối tượng cố tình chây ỳ, nợ đọng thuế.

Thứ hai: Các ban, ngành đoàn thể xã thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, kế toán kiểm tra, kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Thực hiện theo đúng kế hoạch chi ngân sách để tránh tình trạng thiếu hụt nguồn, làm ảnh hưởng đến công tác điều hành ngân sách địa phương.

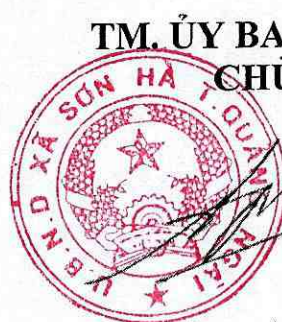
Thứ ba: Thực hiện đầy đủ các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, mọi khoản chi tiêu, mua sắm trang thiết bị, tài sản phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước quy định và phải thực hiện đúng các thủ tục mua sắm.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 và một số giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Lưu VT, KT^{Hường}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Anh Quang



Phụ lục 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm Báo cáo số: 23 /BC-UBND ngày 28 /07/2025 của UBND xã Sơn Hà)

TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025 xã giao	Số thực hiện đến 30/6/2025	Tỷ lệ đạt
A	B	1	2	3
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	1,470,000,000	8,044,246,580	547.23
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (*)	820,000,000	4,591,885,403	559.99
-	Thuế giá trị gia tăng	810,000,000	3,962,366,522	489.18
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	599,328,650	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	10,000,000	-	-
-	Thuế Tài nguyên (**)	-	30,190,231	
2	Lệ phí trước bạ	80,000,000	99,547,177	124.43
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10,000,000		-
4	Thuế thu nhập cá nhân	405,000,000	1,242,761,357	306.85
5	Thu phí, lệ phí (không bao gồm án phí)	155,000,000	250,153,453	161.39
	Trong đó: Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			
6	Thu tiền sử dụng đất (***)	-	873,945,058	
7	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	-		
8	Thu tiền cho thuê đất	-		
9	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	-		
9	Thu khác ngân sách	-	985,954,132	
	Trong đó: Thu phạt ATGT	-		
10	Thu tại xã			
11	Thu từ các xí nghiệp quốc doanh			
II	Tổng thu ngân sách xã (1)+(2)	135,811,181,495	105,179,416,797	77.45
1	Thu cân đối ngân sách xã (a)+(b)	135,811,181,495	95,430,354,017	70.27
a	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	2,099,200,000	1,778,396,292	84.72
-	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	245,000,000	286,462,947	116.92
-	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	1,854,200,000	1,491,933,345	80.46
b	Bổ sung từ ngân sách huyện	133,711,981,495	93,651,957,725	70.04
-	Bổ sung cân đối	16,679,634,000	59,237,345,512	355.15
-	Bổ sung nguồn CCTL và chế độ phụ cấp	5,634,912,000		-
-	Bổ sung có mục tiêu	111,397,435,495	34,414,612,213	30.89
2	Thu để lại chi quản lý qua ngân sách nhà nước			
3	Thu chuyển nguồn		9,749,062,780	



Phụ lục 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm Báo cáo số: 23 /BC-UBND ngày 28 /07/2025 của UBND xã Sơn Hà)

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN						THỰC HIỆN 6 THÁNG					
		THƯỢNG	LÃNG	BAO	CÁC TRƯỜNG	HUYỆN BỒ SUNG	TỔNG	THƯỢNG	LÃNG	BAO	CÁC TRƯỜNG	HUYỆN BỒ SUNG	TỔNG
A	DỰ TOÁN THU NSNN	8,593,995,000	12,512,312,000	8,815,697,000	100,591,214,000	6,268,763,495	136,781,981,495	15,978,098,612	18,605,862,806	28,338,951,390	48,080,072,512	3,058,076,500	113,987,003,904
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	20,000,000	760,000,000	40,000,000	-	-	820,000,000	33,649,678	883,157,214	3,149,807,777	-	-	3,992,556,753
	- Thuế giá trị gia tăng	20,000,000	750,000,000	40,000,000			810,000,000	33,649,678	778,909,067	3,149,807,777			3,962,366,522
	Cho thuê mặt nước								63,777,412				
	Thuế cấp khai thác khoán sản								10,280,504				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		10,000,000				10,000,000						
	- Thuế tài nguyên						-		30,190,231				30,190,231
2	Lệ phí trước bạ	-	80,000,000				80,000,000	9,449,952	87,101,556	2,995,669			99,547,177
3	Phí, lệ phí	15,000,000	130,000,000	10,000,000			155,000,000	13,352,400	217,801,053	19,000,000			250,153,453
4	Thuế thu nhập cá nhân	10,000,000	375,000,000	20,000,000			405,000,000	47,776,247	580,392,768	614,592,342			1,242,761,357
5	Thuế thu nhập DN								152,506	599,176,144			599,328,650
6	Tiền sử dụng đất	-	10,000,000				10,000,000	30,000,000	843,945,058				873,945,058
7	Thu khác ngân sách	-					-	35,402,941	497,479,718	453,071,473			985,954,132
8	Các khoản thu được điều tiết do chi cục thuế thu	-		1,600,000,000			1,600,000,000			2,541,736,819			2,541,736,819
9	Thu trợ cấp bổ sung từ ngân sách cấp trên	8,548,995,000	11,157,312,000	7,145,697,000	100,591,214,000	6,268,763,495	133,711,981,495	11,844,720,588	14,585,784,500	16,083,303,625	48,080,072,512	3,058,076,500	93,651,957,725
	- Bổ sung cân đối	7,793,649,000	8,260,681,000	6,260,216,000	88,814,545,000		111,129,091,000	3,896,824,500	4,130,340,500	3,130,108,000	48,080,072,512		59,237,345,512
	- Bổ sung có mục tiêu	755,346,000	2,896,631,000	885,481,000	11,776,669,000	6,268,763,495	22,582,890,495	7,947,896,088	10,455,444,000	12,953,195,625		3,058,076,500	34,414,612,213



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 03

BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Kèm Báo cáo số: 23 /BC-UBND ngày 28 /07/2025 của UBND xã Sơn Hà)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà (mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
	TỔNG SỐ	106,859,977,495	51,138,149,012	55,721,828,483	11,612,912,000	6,363,483,495	5,249,428,505	8,570,195,000	4,163,696,743	4,406,498,257	8,768,097,000	4,494,209,237	4,273,887,763	135,811,181,495	66,159,538,487	69,651,643,008	48.71
	Dự toán HĐND huyện Sơn Hà giao đầu năm	106,859,977,495	51,138,149,012	55,721,828,483	11,612,912,000	6,363,483,495	5,249,428,505	8,570,195,000	4,163,696,743	4,406,498,257	8,768,097,000	4,494,209,237	4,273,887,763	135,811,181,495	66,159,538,487	69,651,643,008	48.71
I	Chi đầu tư (*)																
-	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp														-	-	-
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất														-	-	-
II	Chi thường xuyên	106,859,977,495	51,138,149,012	55,721,828,483	11,419,800,000	6,363,483,495	5,056,316,505	8,407,905,000	4,163,696,743	4,244,208,257	8,602,686,000	4,494,209,237	4,108,476,763	135,290,368,495	66,159,538,487	69,130,830,008	48.90
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	100,591,214,000	48,080,072,512	52,511,141,488	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,591,214,000	48,080,072,512	52,511,141,488	47.80
-	Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục (Lương + hoạt động)	87,400,607,000	42,796,921,000	44,603,686,000										87,400,607,000	42,796,921,000	44,603,686,000	48.97



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà(mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
-	Kinh phí hỗ trợ trẻ khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	163,479,000	77,313,600	86,165,400										163,479,000	77,313,600	86,165,400	47.29
-	Chế độ học bổng cho học sinh trường dân tộc nội trú theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP	6,027,840,000	2,634,800,000	3,393,040,000										6,027,840,000	2,634,800,000	3,393,040,000	43.71
	Chế độ đặc thù Trường dân tộc nội trú theo Thông tư số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT	1,413,938,000	243,290,412	1,170,647,588										1,413,938,000	243,290,412	1,170,647,588	17.21
-	Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	2,820,147,000	1,814,197,500	1,005,949,500										2,820,147,000	1,814,197,500	1,005,949,500	64.33
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	2,765,203,000	513,550,000	2,251,653,000										2,765,203,000	513,550,000	2,251,653,000	18.57
2	Chi sự nghiệp đào tạo			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Nhiệm vụ...			-										-	-	-	



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà (mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Nhiệm vụ...			-										-	-	-	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			-	144,273,000	16,635,000	127,638,000	131,921,000	22,865,000	109,056,000	124,352,000	42,560,000	81,792,000	400,546,000	82,060,000	318,486,000	20.49
-	KP khu dân cư và Ban chỉ đạo			-	116,000,000	4,915,000	111,085,000	79,000,000		79,000,000			-	195,000,000	4,915,000	190,085,000	2.52
-	KP hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin			-	25,445,700	11,720,000	13,725,700	47,628,900	22,865,000	24,763,900	110,238,048	42,560,000	67,678,048	183,312,648	77,145,000	106,167,648	42.08
-	Tiết kiệm chi 10%			-	2,827,300		2,827,300	5,292,100		5,292,100	12,435,200		12,435,200	20,554,600	-	20,554,600	-
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-			-			-	1,678,752		1,678,752	1,678,752	-	1,678,752	-
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	39,277,000	17,890,000	21,387,000	29,517,000	2,400,000	27,117,000	27,823,000	-	27,823,000	96,617,000	20,290,000	76,327,000	21.00
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			-	35,349,300	17,890,000	17,459,300	26,565,300	2,400,000	24,165,300	24,665,090		24,665,090	86,579,690	20,290,000	66,289,690	23.44
-	Tiết kiệm chi 10%			-	3,927,700		3,927,700	2,951,700		2,951,700	2,782,300		2,782,300	9,661,700	-	9,661,700	-
-	Tiết kiệm bù hụt thu năm 2024			-			-			-			-	-	-	-	
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-			-			-	375,610		375,610	375,610	-	375,610	-
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	65,490,000	40,990,000	24,500,000	45,027,000	12,040,000	32,987,000	43,018,000	29,210,000	13,808,000	153,535,000	82,240,000	71,295,000	53.56
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			-	49,941,000	30,990,000	18,951,000	31,524,300	12,040,000	19,484,300	29,271,227	29,210,000	61,227	110,736,527	72,240,000	38,496,527	65.24
-	Tiết kiệm chi 10%			-	5,549,000		5,549,000	3,502,700		3,502,700	3,301,018		3,301,018	12,352,718	-	12,352,718	-



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà(mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-			-			-	445,755		445,755	445,755	-	445,755	-
-	Đại hội thể dục thể thao			-	10,000,000	10,000,000	-	10,000,000		10,000,000	10,000,000	-	10,000,000	30,000,000	10,000,000	20,000,000	33.33
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	6,268,763,495	3,058,076,500	3,210,686,995	213,635,000	127,910,000	85,725,000	80,349,000	47,495,000	32,854,000	100,849,000	88,507,563	12,341,437	6,663,596,495	3,321,989,063	3,341,607,432	49.85
-	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội			-	12,712,500	4,200,000	8,512,500	24,155,100	2,495,000	21,660,100	20,157,563	20,157,563	-	57,025,163	26,852,563	30,172,600	47.09
-	Tiết kiệm chi 10%			-	1,412,500		1,412,500	2,683,900		2,683,900	4,529,900		4,529,900	8,626,300	-	8,626,300	-
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-			-			-	611,537		611,537	611,537	-	611,537	-
-	Tiết kiệm bù hụt thu năm 2024			-			-			-			-	-	-	-	-
-	KP hỗ trợ chúc thọ cho người cao tuổi			-	110,710,000	110,710,000	-	47,510,000	45,000,000	2,510,000	68,350,000	68,350,000	-	226,570,000	224,060,000	2,510,000	98.89
-	Kinh phí hỗ trợ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở thôn, tổ dân phố			-	10,800,000	-	10,800,000	6,000,000		6,000,000	7,200,000	-	7,200,000	24,000,000	-	24,000,000	-
-	Bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP	5,655,760,000	2,823,630,000	2,832,130,000			-							5,655,760,000	2,823,630,000	2,832,130,000	49.92
-	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ CSXH	571,235,495	213,562,500	357,672,995			-							571,235,495	213,562,500	357,672,995	37.39
-	Chế độ thù lao cá nhân chi trả trợ cấp BTXH theo QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 27/6/2016	41,768,000	20,884,000	20,884,000			-							41,768,000	20,884,000	20,884,000	50.00



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà(mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
	Kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng theo Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND				78,000,000	13,000,000	65,000,000							78,000,000	13,000,000	65,000,000	16.67
8	Chi sự nghiệp kinh tế			-	2,126,821,000	1,871,373,000	255,448,000	567,244,000	399,244,000	168,000,000	562,747,000	346,330,550	216,416,450	3,256,812,000	2,616,947,550	639,864,450	80.35
-	Chi sự nghiệp kinh tế			-	1,904,940,300	1,823,373,000	81,567,300	360,255,600	353,244,000	7,011,600	161,341,520	78,350,550	82,990,970	2,426,537,420	2,254,967,550	171,569,870	92.93
-	Tiết kiệm chi 10%			-	37,326,700		37,326,700	40,028,400		40,028,400	37,731,700		37,731,700	115,086,800	-	115,086,800	-
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-			-			-	5,093,780		5,093,780	5,093,780	-	5,093,780	-
-	Tiết kiệm bù hụt thu năm 2024			-			-			-			-	-	-	-	-
-	KP hỗ trợ cho ngân sách cấp xã tổ chức bảo vệ rừng tại cơ sở theo QĐ số 02			-	12,554,000	6,000,000	6,554,000	12,000,000	6,000,000	6,000,000	12,000,000	5,000,000	7,000,000	36,554,000	17,000,000	19,554,000	46.51
-	Vốn đối ứng NS huyện hỗ trợ làm đường GTNT năm 2025			-	130,000,000		130,000,000	114,960,000		114,960,000	166,580,000	100,000,000	66,580,000	411,540,000	100,000,000	311,540,000	24.30
-	Kinh phí làm đường điện thấp sáng đường quê năm 2025			-	42,000,000	42,000,000	-	40,000,000	40,000,000	-	180,000,000	162,980,000	17,020,000	262,000,000	244,980,000	17,020,000	93.50



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà(mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
9	Chi sự nghiệp môi trường			-	90,801,000	48,238,000	42,563,000	36,392,000	798,000	35,594,000	34,304,000	26,790,000	7,514,000	161,497,000	75,826,000	85,671,000	46.95
-	Chi sự nghiệp môi trường			-	81,720,900	48,238,000	33,482,900	32,752,800	798,000	31,954,800	30,410,496	26,790,000	3,620,496	144,884,196	75,826,000	69,058,196	52.34
-	Tiết kiệm chi 10%			-	9,080,100		9,080,100	3,639,200		3,639,200	3,430,400		3,430,400	16,149,700	-	16,149,700	-
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-			-			-	463,104		463,104	463,104	-	463,104	-
-	Tiết kiệm bù hụt thu năm 2024			-			-			-			-	-	-	-	-
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể			-	7,950,252,000	3,878,632,890	4,071,619,110	6,941,656,000	3,395,161,139	3,546,494,861	7,079,664,000	3,607,782,367	3,471,881,633	21,971,572,000	10,881,576,396	11,089,995,604	49.53
-	Phân bổ theo số CBCC (đã trừ tiết kiệm 10%)			-	385,951,157	198,000,000	187,951,157	387,200,000		387,200,000	411,469,989	411,469,989	-	1,184,621,146	609,469,989	575,151,157	51.45
-	Tiết kiệm chi 10%			-	134,519,900	-	134,519,900	164,200,000	-	164,200,000	158,336,190	-	158,336,190	457,056,090	-	457,056,090	-
-	Quỹ thi đua khen thưởng			-	8,022,982		8,022,982	44,459,600	3,425,000	41,034,600	26,053,421	26,053,421	-	78,536,003	29,478,421	49,057,582	37.53
-	Phân bổ theo đơn vị hành chính (đã trừ tiết kiệm 10%)			-	1,080,000,000	830,741,656	249,258,344	1,044,140,400	727,932,082	316,208,318	1,044,140,400	224,855,247	819,285,153	3,168,280,800	1,783,528,985	1,384,751,815	56.29
-	Quỹ tiền lương			-	3,161,162,961	1,429,798,643	1,731,364,318	3,213,574,000	1,665,040,457	1,548,533,543	3,170,571,000	1,918,407,257	1,252,163,743	9,545,307,961	5,013,246,357	4,532,061,604	52.52
-	KP hoạt động kct theo NQ 30/2023			-	2,526,506,000	1,186,509,591	1,339,996,409	1,583,815,000	794,217,600	789,597,400	1,740,660,000	860,044,453	880,615,547	5,850,981,000	2,840,771,644	3,010,209,356	48.55
-	Phụ cấp đại biểu HĐND			-	193,752,000	84,240,000	109,512,000	176,904,000	80,028,000	96,876,000	160,056,000	71,604,000	88,452,000	530,712,000	235,872,000	294,840,000	44.44
-	Phụ cấp cấp ủy xã			-	117,936,000	44,226,000	73,710,000	92,664,000	42,120,000	50,544,000	101,088,000	54,756,000	46,332,000	311,688,000	141,102,000	170,586,000	45.27



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà(mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đối với chi bộ, đảng bộ cơ sở theo QĐ 99			-	127,017,000	81,117,000	45,900,000	58,246,000	30,000,000	28,246,000	70,592,000	16,592,000	54,000,000	255,855,000	127,709,000	128,146,000	49.91
-	KP đại hội đảng bộ			-	167,384,000	-	167,384,000	128,453,000	33,198,000	95,255,000	148,697,000	-	148,697,000	444,534,000	33,198,000	411,336,000	7.47
-	KP đối với cán bộ lãnh đạo quản lý được điều động, luân chuyển			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	KP biên soạn lịch sử đảng bộ xã			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	KP một cửa theo NQ 35/2021			-	48,000,000	24,000,000	24,000,000	48,000,000	19,200,000	28,800,000	48,000,000	24,000,000	24,000,000	144,000,000	67,200,000	76,800,000	46.67
11	Chi An ninh			-	712,964,000	346,814,605	366,149,395	346,225,000	164,887,000	181,338,000	401,588,000	200,195,300	201,392,700	1,460,777,000	711,896,905	748,880,095	48.73
-	Định mức và cân đối xã bổ sung (đã trừ tiết kiệm 10%)			-	98,233,230	59,012,305	39,220,925	50,048,000	26,017,000	24,031,000	41,821,524	34,798,300	7,023,224	190,102,754	119,827,605	70,275,149	63.03
-	Tiết kiệm chi 10%			-	11,099,800		11,099,800			-	4,717,600		4,717,600	15,817,400	-	15,817,400	-
	Quỹ thi đua khen thưởng				1,664,970		1,664,970	-		-	636,876		636,876	2,301,846	-	2,301,846	-
-	Ban thanh tra nhân dân			-	5,000,000		5,000,000	5,000,000	-	5,000,000	5,000,000	-	5,000,000	15,000,000	-	15,000,000	-
-	KP tổ an ninh theo NQ12/2024			-	596,966,000	287,802,300	309,163,700	291,177,000	138,870,000	152,307,000	349,412,000	165,397,000	184,015,000	1,237,555,000	592,069,300	645,485,700	47.84
12	Chi Quốc phòng			-	28,249,000	15,000,000	13,249,000	189,203,000	105,743,000	83,460,000	187,194,000	111,686,457	75,507,543	404,646,000	232,429,457	172,216,543	57.44
-	Định mức			-	25,424,100	15,000,000	10,424,100	35,027,000	35,027,000	-	29,270,457	29,270,457	-	89,721,557	79,297,457	10,424,100	88.38
-	Tiết kiệm chi 10%			-	2,824,900		2,824,900			-	3,301,800		3,301,800	6,126,700	-	6,126,700	-
	Quỹ thi đua khen thưởng							-			445,743		445,743	445,743	-	445,743	-



TT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã			Thị trấn Di Lăng			Sơn Thượng			Sơn Bao			Dự toán 2025 xã Sơn Hà(mới)			Tỷ lệ đạt
		Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	Dự toán huyện giao	Dự toán đã thực hiện đến ngày 30/6/2025	Dự toán còn lại	
-	Đề án dân quân bảo vệ trụ sở xã 12/24			-	-		-	154,176,000	70,716,000	83,460,000	154,176,000	82,416,000	71,760,000	308,352,000	153,132,000	155,220,000	49.66
13	Chi thường xuyên khác			-	48,038,000	-	48,038,000	40,371,000	13,063,604	27,307,396	41,147,000	41,147,000	-	129,556,000	54,210,604	75,345,396	41.84
-	Chi thường xuyên khác			-	48,038,000		48,038,000	40,371,000	13,063,604	27,307,396	41,147,000	41,147,000	-	129,556,000	54,210,604	75,345,396	41.84
-	Tiết kiệm chi 10%			-	-		-			-			-	-	-	-	
III	Dự phòng ngân sách			-	193,112,000		193,112,000	162,290,000		162,290,000	165,411,000		165,411,000	520,813,000		520,813,000	-



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN HÀ

Phụ lục 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2025
(Kèm Báo cáo số: 23 /BC-UBND ngày 28 /07/2025 của UBND xã Sơn Hà)

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐẢ SD	GHI CHÚ
A	CHUYỂN NGUỒN MỤC TIÊU NGÂN SÁCH 2024 SANG 2025	8,687,982,963	4,526,930,000	
A.1	SƠN THUỢNG (CŨ)	3,687,190,500	2,366,360,000	
I	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	29,000,000	-	
1	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	29,000,000	-	
	Nội dung 01: Quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình nông thôn mới	27,000,000		
	Nội dung 02: Tuyên truyền, vận động xây dựng nông thôn mới; tập huấn nâng cao năng lực cán bộ triển khai Chương trình	2,000,000		
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG	1,586,550,000	1,542,250,000	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1,316,000,000	1,292,601,670	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	193,900,000	193,020,000	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	76,650,000	56,628,330	
III	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	2,071,640,500	824,110,000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	12,723,500	-	
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, NSH phân tán	12,723,500		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	1,202,950,000	824,110,000	

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐÃ SD	GHI CHÚ
2.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	1,202,950,000	824,110,000	
	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý			
	Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	978,950,000	762,550,000	
		93,000,000	61,560,000	
		131,000,000	-	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	30,177,000	-	
	Duy tu, bảo dưỡng	42,000		
	Duy tu, bảo dưỡng	25,815,000		
		4,320,000		
4	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	7,200,000		
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	814,000,000	-	
	Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	731,000,000		
		73,000,000		
		10,000,000		
6	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	4,590,000	-	
	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	1,590,000		
		2,000,000		
		1,000,000		
A.2	SƠN BAO (CŨ)	4,436,536,463	1,907,450,000	
I	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGÈO BỀN VỮNG	1,418,450,000	1,324,950,000	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (0472)	903,000,000	903,000,000	
		90,100,000	90,100,000	
		45,550,000	45,550,000	
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.	335,700,000	242,200,000	
		44,100,000	44,100,000	
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	2,930,653,463	582,500,000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Hỗ trợ	857,828,000	-	
	thực hiện dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu	59,000,000		
		546,992,500	537,500,000	

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐÃ SD	GHI CHÚ
2	Đầu tư chuỗi giá trị, vùng trồng được lựa chọn, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	94,000,000	30,000,000	
		134,000,000	15,000,000	
3	phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng	733,963		
	Đầu tư phát triển nhóm DTTS	16,979,000		
	Đầu tư phát triển nhóm DTTS	336,120,000		
	Đầu tư phát triển nhóm DTTS	23,000,000		
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	739,000,000	-	
		74,000,000	-	
		10,000,000	-	
		11,000,000		
6	Dự án 10, Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình.	2,000,000		
		23,000,000		
		2,000,000		
		1,000,000		
III	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI.	87,433,000	-	
1	Nội dung 1: Ra soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn)	2,683,000		
		57,750,000		
2	Nội dung 2: Đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực và dự án	12,000,000		
		15,000,000		
A.3	TT DI LĂNG (CỦ)	564,256,000	253,120,000	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHIỀM BỀN VỮNG	284,120,000	242,240,000	
1	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	196,470,000	196,470,000	
		49,600,000	45,770,000	
		38,050,000		
II	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	280,136,000	10,880,000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, NSH phân tán	80,000		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị			
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ môi trường và nâng cao thu nhập cho người dân	1,490,000		
		160,000		
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được lựa chọn, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư			
	Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được lựa chọn			

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐÃ SD	GHI CHÚ
	1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	15,000,000	10,880,000	
		15,480,000		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc			
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN			
	Duy tu, bảo dưỡng	926,000		
4	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			
	Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	214,000,000		
		22,000,000		
		4,000,000		
5	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình			
	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	5,000,000		
		1,000,000		
		1,000,000		
B	NGÂN SÁCH BỔ SUNG TRONG NĂM	23,901,784,313	7,307,895,417	
B.1	SƠN THƯỢNG (CŨ)	7,068,833,688	1,112,035,792	
B1.1	MỤC TIÊU TRONG NGÂN SÁCH	2,005,614,688	1,103,472,188	
1	Chi thực hiện chính sách nhà ở cho người có công cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn huyện	120,000,000	-	
2	Chi hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	35,000,000	4,700,000	
3	Chi xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện (đợt 1)	773,570,000	-	
4	Chi xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện (đợt 2)	150,000,000	97,485,500	
5	Chi hỗ trợ và bảo vệ phát triển đất trồng lúa	80,000,000	152,242,000	
6	Chi thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2024	20,000,000	6,000,000	
7	Chi xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn huyện (đợt 3)		76,000,000	
8	Chi thực hiện công tác kiểm kê đất đai năm 2024	60,000,000	-	

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐÃ SD	GHI CHÚ
9	Kinh phí thực hiện NĐ 178	767,044,688	767,044,688	
B.1.2	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	215,400,000	8,563,604	
1	- Thành phần 6, Nội dung 1: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	55,000,000	8,563,604	
2	- Thành phần 6, Nội dung 1: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	9,000,000	-	
3	- Thành phần 6, Nội dung 1: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	16,000,000	-	
4	- Thành phần số 11, nội dung 1: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng	15,000,000	-	
5	- Thành phần số 11, nội dung 1: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng	4,500,000	-	

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐẢ SD	GHI CHÚ
6	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	12,000,000		
7	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3,500,000		
8	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	30,700,000		
9	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	7,600,000		
10	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	9,200,000		
11	Nội dung thành phần số 02: phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền. Nội dung 9: chi hỗ trợ hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	29,000,000		

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐÃ SD	GHI CHÚ
12	Nội dung thành phần số 11: tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM. Nội dung 1: quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình NTM	3,000,000		
13	Nội dung thành phần số 11: tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM. Nội dung 1: quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình NTM	18,900,000		
14	Nội dung thành phần số 11: tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM. Nội dung 1: quản lý điều hành, kiểm tra giám sát thực hiện Chương trình NTM	2,000,000		
B.1.3	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÁM NGHEO BỀN VỮNG	1,092,305,000	-	
1	- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	379,000,000		
2	- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	38,000,000		
3	- Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	19,000,000		
4	-Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng, Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	151,000,000		
5	-Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng, Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	15,000,000		
6	-Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng, Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	8,000,000		
7	-Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng, Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	21,000,000		
8	-Dự án 3 hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng, Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	2,000,000		

TT	NỘI DUNG	SỐ DỰ TOÁN	SỐ ĐÃ SD	GHI CHÚ
9	- Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	1,000,000		
10	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	27,000,000		
11	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	3,000,000		
12	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	1,000,000		
13	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	15,000,000		
14	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	1,000,000		
15	- Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	500,000		
16	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình, Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	33,000,000		
17	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình, Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	3,000,000		
18	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình, Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	2,000,000		
19	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình, Tiểu dự án 2: giám sát, đánh giá	16,000,000		
20	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình, Tiểu dự án 2: giám sát, đánh giá	1,000,000		
21	- Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình, Tiểu dự án 2: giám sát, đánh giá	1,000,000		
22	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. Tiểu dự án 2: cải thiện dinh dưỡng	12,910,000		
23	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. Tiểu dự án 2: cải thiện dinh dưỡng	2,000,000		
24	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng. Tiểu dự án 2: cải thiện dinh dưỡng	2,000,000		